“Tôi chưa,” McCarron nói. “Có tin nhắn báo với tôi là hôm nay ông Greenleaf sẽ về Rome, nhưng tôi tới Rome quá sớm nên đã nghĩ sẽ bay qua đây và bắt kịp ông ấy - và nói chuyện với cậu nữa.” McCarron nhìn xuống giấy tờ. “Richard là kiểu người như thế nào? Cậu miêu tả thế nào về tính cách cậu ấy?”

McCarron sẽ dẫn dắt anh như thế này à? Nhặt nhạnh thêm các manh mối nhỏ qua những từ anh chọn dùng miêu tả Dickie? Hay anh ta chỉ muốn nghe ý kiến khách quan không thể lấy được từ bố mẹ của Dickie? “Anh ấy muốn trở thành họa sĩ,” Tom bắt đầu, “nhưng anh ấy cũng biết mình sẽ không bao giờ thành một họa sĩ xuất sắc được. Anh ấy cố làm ra vẻ không quan tâm, như thể hoàn toàn hạnh phúc và sống đúng cuộc đời mà anh ấy muốn ở châu Âu này.” Tom liếm môi. “Nhưng tôi nghĩ cuộc sống bắt đầu kéo anh ấy xuống. Bố anh ấy phản đối, như anh chắc cũng biết. Và Dickie đã tự đưa mình vào thế khó xử với Marge.”

“Ý cậu là gì?”

“Marge yêu anh ấy còn anh ấy thì không yêu cô ta, nhưng cùng lúc ấy, anh ấy lại gặp cô ta quá nhiều ở Mongibello, cô ta vẫn nuôi hy vọng -” Tom bắt đầu cảm thấy an toàn hơn, nhưng vẫn giả vờ không biết nên diễn tả thế nào. “Thật ra thì anh ấy chưa bao giờ thảo luận về chuyện đó với tôi. Anh ấy luôn đánh giá cao Marge. Anh ấy rất quý mến cô ta, nhưng mọi người đều thấy rõ là - cả Marge nữa - anh ấy sẽ không bao giờ cưới cô ta. Nhưng Marge chẳng bao giờ chịu từ bỏ hoàn toàn. Tôi nghĩ đó là lý do chính khiến Dickie rời khỏi Mongibello.”

McCarron lắng nghe một cách kiên nhẫn và đồng cảm, Tom nghĩ. “Ý cậu là gì khi nói chẳng bao giờ chịu từ bỏ? Cô ta đã làm gì?”

Tom đợi tới khi người bồi bàn đặt hai cốc cappuccino sủi bọt xuống và đặt hóa đơn dưới bát đường giữa hai cốc. “Cô ta vẫn liên tục viết thư cho anh ấy, muốn gặp anh ấy, đồng thời cũng khéo léo tỏ ra, tôi chắc chắn về điều này, là không muốn làm phiền anh ấy khi anh ấy muốn ở một mình. Anh ấy đã kể những chuyện này cho tôi khi tôi gặp anh ấy ở Rome. Anh ấy còn nói, sau vụ Miles, là chắc chắn anh ấy không có tâm trạng đi gặp Marge và sợ rằng cô ta sẽ từ Mongibello lên Rome sau khi nghe tin về những rắc rối anh ấy đang vướng vào.”

“Cậu nghĩ vì sao cậu ấy lại lo lắng sau vụ Miles bị giết?” McCarron nhấp một ngụm cà phê, nhăn mặt vì nóng hoặc vì đắng và dùng thìa khuấy nó.

Tom giải thích. Họ vẫn là bạn tương đối tốt và Freddie đã bị giết chỉ vài phút sau khi rời nhà anh ấy.

“Cậu có nghĩ Richard có thể đã giết Freddie không?” McCarron hỏi lặng lẽ.

“Tôi không nghĩ vậy.”

“Vì sao?”

“Vì không có lý do gì để Dickie giết Miles hết - ít nhất không có lý do nào mà tôi tình cờ biết cả.”

“Mọi người vẫn thường nói vì người này người kia không phải kiểu có thể giết người,” McCarron nói. “Cậu có nghĩ Richard là kiểu có thể giết người không?”

Tom ngập ngừng, nghiêm túc tìm kiếm sự thật, “Tôi chưa từng nghĩ đến điều đó. Tôi không biết kiểu người nào thì có khuynh hướng giết người. Tôi đã từng thấy anh ấy giận dữ-”

“Khi nào?”

Tom tả lại hai ngày ở Rome, khi Dickie, như anh nói, đã rất giận dữ và phẫn nộ vì tràng thẩm vấn của cảnh sát và còn chuyển ra khỏi căn hộ để tránh điện thoại từ bạn bè và người lạ. Tom kết nối điều này với cảm giác bực bội ngày một lớn trong Dickie vì không có tiến triển gì trong hội họa. Anh mô tả Dickie như một thanh niên bướng bỉnh, kiêu hãnh, kính sợ bố và do đó quyết tâm chống lại ước muốn của ông, một người khá thất thường, hào phóng với cả người lạ cũng như bạn bè nhưng tính khí có thể thay đổi - từ quảng giao cho tới xa cách sưng sỉa. Anh tổng kết bằng câu nói Dickie là một thanh niên hết sức bình thường thích nghĩ mình phi thường. “Nếu anh ấy tự tử,” Tom kết luận, “tôi nghĩ là vì anh ấy đã nhận ra một số thất bại của bản thân là vì không đủ khả năng. Đối với tôi, việc anh ấy tự tử dễ hình dung hơn là giết người nhiều.”

“Nhưng tôi không chắc cậu ấy không giết Freddie Miles. Cậu nghĩ sao?”

McCarron hoàn toàn chân thành. Tom chắc chắn về điều đó. McCarron thậm chí còn đang mong anh bảo vệ Dickie, vì họ là bạn bè. Tom cảm thấy đã bớt sợ sệt hơn, nhưng chỉ một chút thôi, như một thứ đang chậm rãi tan ra bên trong. “Tôi không chắc lắm,” Tom nói, “nhưng tôi không tin là vậy.”

“Tôi cũng không chắc. Nhưng điều đó sẽ giải thích được nhiều chuyện, không phải sao?”

“Phải,” Tom nói. “Toàn bộ mọi chuyện.”

“À, đây mới chỉ là ngày đầu tiên làm việc,” McCarron nói với một nụ cười lạc quan. “Tôi thậm chí còn chưa xem các báo cáo ở Rome. Chắc tôi sẽ muốn nói chuyện lại với cậu sau khi tới Rome.”

Tom chăm chú nhìn anh ta. Có vẻ tràng thẩm vấn đã kết thúc. “Anh có nói được tiếng Ý không?”

“Không giỏi lắm, nhưng tôi đọc được. Tôi giỏi tiếng Pháp hơn nhưng tôi sẽ xoay xở được thôi,” McCarron nói như thể điều đó không quan trọng gì.

Nó vô cùng quan trọng, Tom nghĩ. Anh không thể hình dung ra McCarron moi được toàn bộ những gì Roverini biết về vụ án Greenleaf chỉ qua một phiên dịch viên. McCarron cũng sẽ không thể thâm nhập và trò chuyện với mọi người như là chủ nhà của Dickie Greenleaf ở Rome. Đó mới là điều quan trọng nhất. “Tôi đã nói chuyện với ông Roverini ở Venice cách đây vài tuần,” Tom nói. “Gửi lời chào giùm tôi nhé.”

“Được thôi.” McCarron uống nốt cốc cà phê. “Hiểu Dickie, cậu nghĩ cậu ta có khả năng đi đâu nhất nếu muốn lẩn trốn?”

Tom hơi rúm người lại trong ghế. Anh ta đang cố moi móc mọi thông tin vụn vặt, anh nghĩ. “À, tôi biết anh ấy thích Ý nhất. Tôi sẽ không đánh cuộc vào Pháp. Anh ấy cũng thích Hy Lạp. Có lúc anh ấy từng nói tới chuyện đi Majorca. Toàn bộ Tây Ban Nha đều có thể , tôi đoán vậy.”

“Tôi hiểu rồi,” McCarron nói, thở dài.

“Hôm nay anh sẽ quay lại Rome à?”

McCarron nhướn lông mày lên. “Tôi cho là vậy, giá như tôi có thể ngủ vài tiếng ở đây. Tôi đã không được ngủ tử tế hai ngày rồi.”

Tom thấy anh ta vẫn giữ được tinh thần rất tốt. “Tôi nghĩ chú Greenleaf đang phân vân về các chuyến tàu. Có hai chuyến sáng nay và có thể có thêm vài chuyến buổi chiều nữa. Chú ấy đã định đi trong hôm nay.”

“Chúng tôi có thể đi trong hôm nay.” McCarron lấy hóa đơn. “Cảm ơn sự giúp đỡ của anh rất nhiều, anh Ripley. Tôi đã có địa chỉ và số điện thoại của anh rồi, trong trường hợp tôi phải gặp lại anh.”

Họ đứng dậy.

“Có phiền nếu tôi đi cùng để tạm biệt Marge và chú Greenleaf không?”

McCarron không phiền. Họ lại đi thang máy lên. Tom phải kiềm chế không huýt sáo. Papa non vuole đang vang lên trong đầu anh.

Tom quan sát Marge kỹ lưỡng khi họ đi vào, tìm dấu hiệu thù địch. Anh thấy cô ta chỉ trông có vẻ bi thảm. Như thể mới biết tin mình thành góa phụ.

“Tôi muốn hỏi cô vài câu hỏi riêng nữa, cô Sherwood,” McCarron nói. “Nếu như ông không phiền,” anh ta nói với ông Greenleaf.

“Chắc chắn là không rồi. Tôi sẽ xuống sảnh để mua vài tờ báo,” ông Greenleaf nói.

McCarron vẫn tiếp tục. Tom chào tạm biệt Marge và ông Greenleaf, phòng trường hợp hôm nay họ sẽ đi Rome và anh không gặp lại họ. Anh nói với McCarron, “Tôi sẽ rất sẵn lòng tới Rome bất kỳ lúc nào nếu có thể trợ giúp. Đằng nào tôi cũng định ở đây tới cuối tháng Năm.”

“Đến lúc ấy chúng tôi sẽ có tiến triển rồi,” McCarron nói với nụ cười đậm chất Ai-len tự tin.

Tom xuống sảnh cùng ông Greenleaf.

“Anh ta lại hỏi lại cháu những câu hỏi cũ,” Tom kể cho ông Greenleaf, “còn hỏi cả ý kiến của cháu về tính cách của Richard nữa.”

“Thế cậu trả lời như thế nào?” Ông Greenleaf hỏi bằng giọng vô vọng.

Dù Dickie tự tử hay chạy trốn để ẩn nấp thì trong mắt ông Greenleaf cũng đáng chê trách ngang nhau, Tom biết điều đó. “Cháu kể với anh ta những gì cháu nghĩ là thật,” Tom nói, “anh ấy vừa có khả năng đang bỏ trốn cũng vừa có khả năng đã tự tử.”

Ông Greenleaf không bình luận gì mà chỉ vỗ cánh tay của Tom. “Chào tạm biệt, Tom.”

“Chào chú,” Tom nói. “Hãy giữ liên lạc với cháu nhé.”

Tom nghĩ mọi chuyện giữa anh và ông Greenleaf đều ổn. Mọi chuyện với Marge cũng sẽ ổn thỏa hết. Cô ta đã chấp nhận lời giải thích về hành vi tự tử và từ giờ trở đi suy nghĩ của cô ta sẽ chỉ đi theo hướng đó, anh biết.

Tom dành cả chiều ở nhà, chờ một cuộc điện thoại, ít nhất là từ McCarron, dù không thông báo tin gì quan trọng, nhưng không có ai gọi đến. Chỉ có một cuộc điện thoại từ Titi, nữ Bá tước thường trú ở đây, mời anh chiều hôm nay qua uống cocktail. Tom nhận lời.

Anh cứ nghĩ vì sao mình lại sợ Marge gây rắc rối. Cô ta chưa từng gây ra rắc rối nào cho anh. Việc Dickie tự tử đã in sâu trong não cô ta, cô ta sẽ tự sắp xếp trí tưởng tượng nghèo nàn của mình để hợp lý hóa điều đó.

# CHƯƠNG 28

N

gày hôm sau McCarron gọi cho anh từ Rome, muốn biết tên của tất cả những người Dickie quen biết ở Mongibello. Rõ ràng đó là tất cả những gì McCarron muốn biết vì anh ta nhàn nhã thu thập toàn bộ cái tên, đối chiếu lại với danh sách Marge đã đưa. Phần lớn những cái tên đều đã được Marge kể ra, nhưng Tom điểm lại tất cả cùng địa chỉ khó kiếm của họ - Giorgio, tất nhiên; Pietro, người coi thuyền; dì Maria của Fausto, họ thì anh không nhớ dù anh đã chỉ cho McCarron cách phức tạp nhất để tới nhà bà ta; Aldo, người bán tạp hóa; nhà Cecchi và thậm chí cả ông Stevenson già cả, người họa sĩ ẩn dật sống ngay cạnh làng mà Tom chưa từng gặp. Tom mất vài phút mới liệt kê được hết ra và McCarron chắc sẽ phải mất vài ngày để kiểm tra tất cả bọn họ. Anh nhắc tới tất cả mọi người trừ ông Pucci, người xử lý vụ bán nhà và thuyền của Dickie, người mà không nghi ngờ gì sẽ khai với McCarron, nếu anh ta còn chưa được Marge kể cho, việc Tom Ripley đã tới Mongibello để thu xếp các việc vặt cho Dickie. Tom nghĩ cho dù McCarron có biết việc anh xử lý công chuyện dùm Dickie thì cũng chẳng có gì nghiêm trọng hết. Còn với những gã như Aldo hay Stevenson thì cứ để mặc cho McCarron moi hết những gì có thể từ họ.

“Có ai ở Naples không?” McCarron hỏi.

“Tôi thì không biết ai.”

“Rome?”

“Tôi rất tiếc, tôi chưa từng gặp anh ấy đi cùng người bạn nào ở Rome.”

“Chưa từng gặp người họa sĩ - ừm - Di Massimo à?”

“Không. Tôi từng nhìn thấy ông ta một lần,” Tom nói, “nhưng chưa từng gặp ông ta.”

“Ông ta trông như thế nào?”

“À, tôi đã thấy ở một góc đường. Tôi tạm biệt Dickie khi anh ấy sắp sửa tới gặp ông ta nên tôi cũng không nhìn rõ mặt lắm. Trông ông ta cao tầm một mét bảy lăm, khoảng năm mươi tuổi, mái tóc muối tiêu - đó là tất cả những gì tôi nhớ. Trông ông ta khá vạm vỡ. Tôi nhớ là ông ta đã mặc một bộ vest màu xám nhạt.”

“Hừm, được rồi,” McCarron nói lơ đễnh như thể đang tập trung ghi chép toàn bộ thông tin. “Tôi đoán đó là tất cả những gì mình cần. Cảm ơn anh nhiều, anh Ripley.”

“Không có gì. Chúc may mắn.”

Sau đó Tom im lặng chờ đợi trong nhà vài ngày, cũng như bất kỳ ai khác sẽ làm, khi công cuộc tìm kiếm một người bạn mất tích của họ đã tới giai đoạn thú vị. Anh từ chối ba đến bốn lời mời dự tiệc. Báo chí lại khơi dậy niềm hứng thú với sự mất tích của Dickie sau khi được truyền cảm hứng bởi sự xuất hiện của một thám tử tư người Mỹ trên đất Ý, do bố của Dickie thuê tới. Khi các thợ ảnh từ tờ Europeo và Oggi tới chụp ảnh anh và nhà của anh, anh đã kiên quyết đuổi họ đi, thậm chí còn nắm lấy khuỷu tay một chàng trai cố chấp và đẩy văng anh ta qua cửa phòng khách. Nhưng suốt năm ngày không có gì quan trọng xảy ra hết - không điện thoại, không thư từ, kể cả từ đội trưởng Roverini. Thỉnh thoảng Tom hình dung ra những điều tồi tệ nhất, đặc biệt là vào lúc chạng vạng, thời điểm anh cảm thấy tuyệt vọng nhất trong ngày. Anh tưởng tượng ra Roverini và McCarron hợp lại và nảy ra giả thuyết Dickie có thể đã biến mất từ tháng Mười một, tưởng tượng McCarron kiểm tra thời điểm anh mua xe, tượng tưởng anh ta đánh hơi và khám phá ra Dickie không hề trở lại sau chuyến du lịch San Remo và chỉ có mình Tom Ripley quay về để dàn xếp việc tống khứ đồ đạc của Dickie. Anh đánh giá đi đánh giá lại lời chào tạm biệt lạnh lùng, mệt mỏi của ông Greenleaf buổi sáng hôm đó ở Venice, thấy nó không thân thiện và tưởng tượng ra ông Greenleaf nổi khùng lên ở Rome khi mọi nỗ lực tìm kiếm Dickie đều không thu được một kết quả gì và đột nhiên đòi điều tra tỉ mỉ về Tom Ripley, gã khốn nạn mà ông đã dùng tiền đưa sang châu Âu để đem con trai ông về nhà.

Nhưng mỗi sáng Tom lại lạc quan trở lại. Mặt tốt là việc Marge tin tưởng không chút hoài nghi chuyện Dickie đã dành cả mấy tháng trời sưng sỉa ở Rome, cô ta hẳn cũng giữ toàn bộ thư của Dickie và chắc sẽ mang tất cả ra cho McCarron xem. Những bức thư tuyệt vời. Tom thấy mừng vì đã để tâm đến chúng. Marge là một cục vàng chứ không phải một cục nợ. Thật tốt vì anh đã hạ chiếc giày xuống vào buổi tối cô ta tìm ra cặp nhẫn.

Sáng nào anh cũng ngắm mặt trời từ cửa sổ phòng ngủ, nhô lên qua lớp sương mù mùa đông, vật vã lê trên thành phố trông có vẻ yên bình, cuối cùng cũng vượt qua để mang đến vài tiếng đồng hồ thật sự có ánh nắng trước buổi trưa và sự khởi đầu yên bình của mỗi ngày cũng giống như lời hứa bình an cho tương lai. Trời ngày một ấm dần lên. Nắng nhiều hơn, mưa ít đi. Mùa xuân đang gần đến, một trong những buổi sáng ấy, một buổi sáng còn đẹp hơn cả như thế này, anh sẽ rời khỏi căn nhà này và lên tàu tới Hy Lạp.

Sáu ngày sau khi ông Greenleaf và McCarron rời đi, một buổi tối Tom gọi điện cho ông ở Rome. Ông Greenleaf không có tin gì mới, nhưng Tom cũng không đón đợi gì nhiều. Marge đã về nhà. Chừng nào ông Greenleaf còn ở Ý, Tom nghĩ, thì báo chí còn đăng tin mới về vụ án hàng ngày. Nhưng xem ra giờ báo chí cũng đã hết tin giật gân để nói về vụ án này rồi.

“Cô thế nào chú?” Tom hỏi.

“Cũng ổn. Nhưng tôi nghĩ sự căng thẳng bắt đầu tác động xấu tới bà ấy. Tối qua tôi vừa nói chuyện với bà ấy.”

“Cháu rất tiếc,” Tom nói. Anh nghĩ mình nên viết cho bà một bức thư tử tế, chỉ là vài câu thân thiện trong khi ông Greenleaf ở xa và bà phải cô đơn một mình. Anh ước gì mình nghĩ ra điều đó sớm hơn.

Ông Greenleaf báo là đến cuối tuần này ông sẽ rời đi, qua Paris, nơi cảnh sát Pháp cũng đang tiến hành tìm kiếm. McCarron sẽ đi cùng ông và nếu không có tiến triển gì ở Paris thì cả hai sẽ cùng về nhà. “Cả tôi hay bất kỳ ai cũng đều nhận thấy rõ,” ông Greenleaf nói, “hoặc nó đã chết hoặc cố tình lẩn trốn. Chẳng có một ngóc ngách nào trên thế giới này chưa được thông báo về việc tìm kiếm nó hết. Có thể là trừ Nga. Chúa ơi, nó chưa bao giờ thể hiện nó yêu thích đất nước đó, phải không?”

“Nước Nga à? Không, cháu chưa từng nghe.”

Rõ ràng là thái độ của ông Greenleaf là Dickie hoặc đã chết hoặc kệ xác anh ta. Trong cuộc điện thoại, thái độ kệ xác anh ta có vẻ lấn át.

Tối hôm đó Tom tới nhà của Peter Smith-Kingsley. Peter có vài tờ báo Anh được bạn bè gửi cho, một tờ có ảnh Tom tóm thợ ảnh của tờ Oggi lôi ra khỏi nhà. Tom cũng đã thấy nó trên báo Ý. Hình anh đi lại trên đường phố Venice và hình ảnh nhà anh cũng đã lan sang nước Mỹ. Cả Bob và Cleo đều đã gửi cho anh các hình ảnh và đoạn báo trên các tờ lá cải của Mỹ qua đường hàng không. Họ nghĩ nó vô cùng thú vị.

“Tôi ngấy đến tận cổ rồi,” Tom nói. “Tôi chỉ đang nấn ná lại đây vì lịch sự và giúp đỡ nếu có thể. Nếu còn có một phóng viên nào cố đột nhập vào nhà tôi nữa thì họ sẽ bị chĩa súng săn vào người ngay khi bước qua cửa.” Anh thật sự thấy phẫn nộ và ghê tởm, nó thể hiện hết qua giọng anh.

“Tôi cũng khá hiểu,” Peter nói. “Cuối tháng Năm tôi sẽ về nhà, anh biết đấy. Nếu anh muốn đi cùng và ở lại nhà tôi ở Ai-len thì tôi rất sẵn lòng. Ở đó lặng như tờ, tôi có thể đảm bảo với anh.”

Tom liếc nhìn anh ta. Peter đã kể cho anh về tòa lâu đài Ai-len cũ kỹ của mình và còn cho anh xem hình nữa. Một vài đặc điểm trong mối quan hệ của anh với Dickie vụt qua đầu anh như hồi ức của một cơn ác mộng, như một bóng ma trắng bệch và ác độc. Anh nghĩ là vì điều đó cũng có thể xảy ra với Peter, Peter ngay thẳng, ngây thơ, hào phóng - chỉ trừ việc trông anh không giống anh ta cho lắm. Nhưng một tối, để mua vui cho Peter, anh đã dùng giọng Anh và mô phỏng phong cách của anh ta và cách anh ta giật đầu sang một bên khi nói chuyện, Peter thấy buồn cười hết chịu nổi. Giờ Tom mới nghĩ mình đáng ra không nên làm thế. Nó khiến Tom xấu hổ một cách cay đắng, vì cả buổi tối hôm đó lẫn việc anh từng thoáng nghĩ chuyện xảy ra với Dickie cũng có thể xảy ra với Peter.

“Cảm ơn,” Tom nói. “Tôi nên ở một mình một thời gian nữa. Anh biết đấy, tôi nhớ anh bạn Dickie của tôi lắm. Tôi nhớ anh ấy khủng khiếp.” Đột nhiên anh như sắp khóc. Anh vẫn nhớ nụ cười của Dickie ngày đầu tiên họ bắt đầu chơi với nhau, khi anh thú nhận rằng bố Dickie đã cử anh tới. Anh nhớ chuyến đi điên rồ đầu tiên của họ tới Rome. Thậm chí anh còn đau đáu nhớ cả nửa tiếng đồng hồ ở quán rượu Carlton ở Cannes, khi Dickie quá chán ngán và im lìm, nhưng sau cùng thì anh ta có lý do chính đáng để chán: anh đã lôi Dickie tới đó, còn anh ta chẳng thích Côte d’ Azur. Giá mà anh tự mình đi ngắm cảnh, Tom nghĩ, giá mà anh không hấp tấp và tham lam như thế, giá mà anh không phán đoán sai về mối quan hệ của Dickie và Marge một cách ngớ ngẩn như thế, hay chỉ đơn giản là giá mà anh chờ đợi họ tự chia tay nhau, thì tất cả những chuyện này đã chẳng xảy ra, anh có thể sống cùng Dickie đến hết đời, du lịch và tận hưởng cuộc sống đến hết đời. Giá mà anh không thử đồ của Dickie ngày hôm đó -

“Tôi hiểu mà, Tommie thân mến, tôi hiểu chứ,” Peter nói, vỗ vai anh.

Tom ngẩng lên nhìn anh ta qua màn nước mắt giàn giụa. Anh đang tưởng tượng đến cảnh cùng Dickie du lịch về Mỹ trên một con thuyền nhân dịp Giáng sinh, tưởng tượng cảnh thân thiết với bố mẹ của Dickie như thể hai người là anh em. “Cảm ơn,” Tom nói. Nhưng câu đó nghe như tiếng khóc trẻ con.

“Thật sự thì tôi sẽ nghĩ là anh có vấn đề nếu không suy sụp như thế này đây,” Peter nói một cách đầy thương cảm.

# CHƯƠNG 29

Venice,

Ngày 3 tháng 6, năm 19-

Chú Greenleaf thương mến:

Hôm nay trong khi đóng gói hành lý, cháu đã phát hiện ra một phong thư mà Richard trao cho cháu ở Rome và vì vài lý do không sao hiểu nổi, cháu đã quên bẵng cho tới giờ này. Trên phong bì có viết “Không mở trước tháng Sáu” và tình cờ thay, bây giờ là tháng Sáu. Phong bì đựng di chúc của Richard và anh ấy để lại tài sản và đồ sở hữu của anh ấy cho cháu. Cháu cũng sửng sốt như hai cô chú hẳn đang cảm thấy vậy, tuy nhiên qua cách dùng từ của di chúc (nó được đánh máy) thì có vẻ anh ấy vẫn đầy đủ lý trí.

Cháu thấy tiếc nuối một cách cay đắng vì đã không nhớ mình đang giữ phong bì này, vì nó sẽ chứng minh việc Dickie định tự kết liễu mạng sống của mình sớm hơn nhiều. Cháu đã cất nó vào một ngăn của vali rồi quên mất. Anh ấy đã đưa nó cho cháu vào lần cuối cháu gặp anh ấy, ở Rome, khi anh ấy đang rất tuyệt vọng.

Nghĩ lại thì cháu đính kèm bản sao chép của di chúc để cô chú có thể tận mắt nhìn nó. Đây là di chúc đầu tiên mà cháu thấy trong đời và cháu hoàn toàn không quen thuộc với thủ tục cần thiết. Cháu nên làm gì?

Xin hãy gửi lời chúc chân thành nhất của cháu tới cô Greenleaf và mong cô chú hiểu rằng cháu thương cảm sâu sắc với hai người, cháu cũng hối tiếc vì phải viết bức thư này. Xin hãy báo tin cho cháu sớm nhất có thể. Địa chỉ sắp tới của cháu sẽ là:

Gửi tới American Express

Athens, Hy Lạp

Chân thành,

Tom Ripley

Theo một cách nào đó thì bức thư này đang mời gọi rắc rối, Tom nghĩ. Nó có thể bắt đầu một cuộc điều tra mới về chữ ký trên di chúc lẫn cả giấy nhận tiền, đó sẽ là một trong những cuộc điều tra không khoan nhượng mà các công ty bảo hiểm lẫn quỹ ủy thác tiến hành khi tiền bị rút khỏi túi họ. Nhưng anh sẵn sàng cho việc đó. Anh đã mua vé đi Hy Lạp vào giữa tháng Năm và thời tiết ngày một đẹp dần lên, khiến anh càng nôn nóng. Anh đã lôi xe ra khỏi gara dành cho Fiat ở Venice và lái qua Brenner, tới Salzburg và Munich, xuống Trieste, qua Bolzano. Thời tiết chỗ nào cũng đẹp, trừ những cơn mưa phùn nhỏ xíu, mang hương vị mùa xuân ở Munich, khi anh đi dạo trong Englischer Garten. Anh thậm chí còn không thèm che người mà chỉ tiếp tục rảo bộ, sung sướng như đứa trẻ trước ý nghĩ đây là cơn mưa Đức đầu tiên rơi xuống đầu mình. Anh chỉ còn hai nghìn đô la dưới tên mình, chuyển từ tài khoản ngân hàng của Dickie và tiết kiệm từ khoản thu nhập của Dickie, vì anh không dám rút thêm tiền trong có ba tháng ngắn ngủi. Sự may rủi và hiểm nguy khi cố gắng lấy toàn bộ tiền Dickie có sức hấp dẫn không thể chối từ với anh. Anh quá chán ngán những tuần đều đều, ảm đạm ở Venice, mỗi ngày trôi qua dường như càng thêm xác nhận sự an toàn và nhấn mạnh sự tồn tại tẻ nhạt của anh. Ông Roverini đã ngừng viết thư cho anh. Alvin McCarron đã quay lại Mỹ (sau một cuộc điện thoại vô nghĩa cho anh từ Rome) và Tom đoán cả anh ta lẫn ông Greenleaf đã kết luận rằng Dickie hoặc đã chết hoặc tự nguyện lẩn trốn, tìm kiếm thêm chỉ vô dụng. Báo chí đã ngừng đưa thêm tin tức về Dickie chỉ vì muốn có bất kỳ thứ gì để đăng. Tom có cảm giác trống rỗng và lạc lõng, nó khiến anh gần như phát điên cho tới khi lái xe tới Munich. Khi anh quay lại Venice để đóng gói đồ đạc và đóng cửa căn nhà của mình, cảm xúc của anh chỉ càng tồi tệ hơn: anh sắp tới Hy Lạp, tới những hòn đảo anh hùng cổ xưa, với tư cách là Tom Ripley bé nhỏ, rụt rè và hiền lành, với hai nghìn đô lẻ ngày một cạn kiệt trong tài khoản ngân hàng, vậy nên gần như anh đã phải cân nhắc nhiều trước khi quyết định mua cho mình dù chỉ là một quyển sách về nghệ thuật Hy Lạp. Điều đó thật không thể chịu đựng nổi.

Ở Venice anh đã quyết định biến hải trình tới Hy Lạp của mình thành một chuyến đi anh hùng. Anh sẽ ngắm các hòn đảo, viễn cảnh lần đầu tiên dám bơi, như một người đang sống, đang thở, can trường - chứ không phải một kẻ vô danh rúm ró từ Boston. Nếu anh có rơi vào tay cảnh sát ở Piraeus thì ít nhất anh cũng được trải qua những ngày đứng trước gió lộng ở mũi tàu, băng qua đại dương sẫm màu như rượu vang, như Jason hay Ulysses trở về. Nên anh đã viết bức thư tới ông Greenleaf và gửi nó đi ba ngày trước khi lên thuyền rời khỏi Venice. Ông Greenleaf chắc sẽ không nhận được thư trong bốn đến năm ngày tới, nên sẽ không có chuyện ông giữ anh lại Venice qua điện tín và khiến anh nhỡ tàu. Bên cạnh đó, nhìn từ góc độ nào thì việc giữ thái độ bình thản về việc đó cũng tốt hơn, sẽ không ai liên lạc được với anh trong hai tuần tới, cho tới khi anh đến Hy Lạp, như thể anh chẳng quan tâm xem có nhận được tiền hay không và anh sẽ không để việc đó trì hoãn dù chỉ là một chuyến đi nhỏ mà anh đã dự định.

Hai ngày trước khi ra khơi, anh đi uống trà ở nhà của Titi xứ Latta-Cacciaguerra, nữ Bá tước mà anh đã gặp hôm bắt đầu tìm nhà ở Venice. Cô hầu dẫn anh vào phòng khách và Titi chào đón anh bằng những câu mà đã nhiều tuần rồi anh không còn phải nghe: “A, xin chào, Tomaso! Anh đã đọc báo chiều chưa? Họ tìm thấy vali của Dickie rồi đấy! Cả tranh của anh ấy nữa! Ở ngay American Express ở Venice này!” Đôi khuyên vàng của cô ta lắc qua lắc lại vì phấn khích.

“Gì cơ?” Tom chưa đọc báo. Chiều nay anh còn bận đóng gói đồ đạc.

“Đọc đi! Ngay đây!” Toàn bộ quần áo của anh ta mới được ký gửi từ tháng Hai! Chúng được gửi từ Naples. Có thể anh ta ở ngay tại Venice này!”

Tom đọc báo. Sợi dây quấn quanh các bức tranh bị tuột ra, như báo nói và khi buộc chúng lại, một nhân viên đã phát hiện ra chữ ký R. Greenleaf trên các bức tranh. Tay của Tom bắt đầu run lẩy bẩy đến mức anh phải túm chặt hai mép báo để giữ vững. Báo nói cảnh sát đang cẩn thận khám xét mọi thứ để tìm dấu vân tay.

“Có thể anh ấy còn sống!” Titi hét lên.

“Tôi không nghĩ - tôi không hiểu vì sao điều này lại chứng minh anh ấy còn sống. Anh ấy có thể đã bị giết hoặc tự tử sau khi gửi vali. Việc nó được gửi dưới một cái tên khác - Fanshaw-” Anh có cảm giác nữ bá tước, người đang ngồi cứng đờ trên ghế sô-pha và nhìn anh chăm chú, thấy giật mình trước sự căng thẳng của anh, nên anh đột nhiên trấn tĩnh lại, thu hết can đảm và nói, “Cô thấy chưa? Họ đang xem xét lại mọi thứ để tìm dấu vân tay. Họ sẽ không làm thế nếu chắc chắn Dickie đã tự gửi vali đi. Vì sao anh ấy lại gửi chúng dưới tên Fanshaw nếu định tự lấy chúng về? Thậm chí cả hộ chiếu của anh ấy cũng ở đây. Anh ấy còn đóng gói cả hộ chiếu của mình.”

“Có thể anh ấy đang ẩn núp dưới tên Fanshaw! Ôi, bạn thân mến, anh cần thêm trà đấy!” Titi đứng dậy. “Giustina! Nhanh mang trà lên đây!”

Tom yếu ớt ngồi phịch xuống ghế sô-pha, vẫn giơ tờ báo trước mặt. Thế còn dây thừng trên người Dickie? Liệu anh có may mắn đến mức cả nó cũng đã tuột ra rồi không?

“À, bạn yêu quý, anh bi quan quá,” Titi nói, vỗ vỗ đầu gối của anh. “Đây là tin tốt mà! Giả sử tất cả các dấu vân tay đó đều thuộc về anh ấy thì sao? Lúc ấy anh cũng chưa thấy vui à? Giả như ngày mai, khi đang đi dạo trên một con hẻm nhỏ của Venice, anh đối mặt với Dickie Greenleaf, dưới cái tên Fanshaw thì sao!” Cô ta phát ra tiếng cười inh tai, dễ chịu, đến với cô ta tự nhiên như hơi thở.

“Ở đây nói rằng hai vali chứa tất cả mọi thứ - bộ đồ cạo râu, bàn chải, giày, áo khoác, trọn bộ đồ đạc,” Tom nói, giấu nỗi sợ của mình bằng vẻ sầu muộn. “Anh ấy không thể còn sống mà bỏ lại toàn bộ những thứ đó. Gã sát nhân hẳn đã lột sạch người anh ấy và gửi quần áo lại đó vì đấy là cách dễ nhất để tống khứ chúng đi.”

Điều này khiến Titi cũng phải ngừng lại. Rồi cô ta nói, “Phải tới khi biết rõ các dấu vân tay đó là của ai thì anh mới thôi chán nản thế này được sao? Mai anh phải khởi hành một chuyến du lịch thoải mái rồi đấy.Ecco il te!”

Ngày kia mới đúng, Tom nghĩ. Còn nhiều thời gian để Roverini tới lấy vân tay của anh và so sánh chúng với những dấu vân có trên các bức tranh sơn dầu và vali. Anh cố gắng nhớ lại mọi mặt phẳng trên các khung tranh sơn dầu và những thứ trong vali mà người ta có thế lấy dấu vân tay. Không có nhiều, trừ các món đồ trong bộ cạo râu, nhưng họ có thể tìm đủ từng mảnh nhỏ để ghép lại thành mười dấu vân tay hoàn chỉnh nếu cố gắng. Lý do duy nhất để anh lạc quan là họ chưa có dấu vân tay của anh và họ có thể sẽ không yêu cầu vì anh chưa bị liệt vào diện tình nghi. Nhưng nếu họ đã lấy được dấu vân tay của Dickie từ đâu đó thì sao? Không phải ông Greenleaf sẽ gửi dấu vân tay của Dickie từ Mỹ ngay lập tức để kiểm tra sao? Có vô số chỗ mà họ có thể tìm được dấu vân tay của Dickie: trên đồ đạc của anh ta ở Mỹ, trong ngôi nhà ở Mongibello -

“Tomaso! Uống trà đi!” Titi nói, lại nhẹ nhàng ấn đầu gối của anh.

“Cảm ơn cô.”

“Anh sẽ thấy. Ít nhất đây là một bước lại gần sự thật, những gì đã thật sự xảy ra. Giờ chúng ta hãy nói về chuyện khác đi, nếu việc đó khiến anh không vui đến thế! Từ Athens anh định sẽ đi đâu?”

Anh cố gắng lái dòng suy nghĩ sang Hy Lạp. Đối với anh, Hy Lạp được mạ vàng, với các bộ giáp vàng của các chiến binh và ánh nắng nổi tiếng của nó. Anh thấy những bức tượng đá với những khuôn mặt bình thản, mạnh mẽ, như những người phụ nữ ở cổng vòm của đền Erechtheion. Anh không muốn tới Hy Lạp với hiểm họa các dấu vân tay ở Venice treo lơ lửng trên đầu. Nó sẽ khiến anh thấy thấp kém. Anh sẽ cảm thấy mình giống như một con chuột cống thấp kém nhất trốn chui nhủi trong cống rãnh của Athens, còn hạ đẳng hơn cả những người ăn xin bẩn thỉu nhất sẽ lân la lại gần anh trên đường phố Salonika. Tom vùi mặt vào lòng bàn tay và khóc nức nở. Hy Lạp xong rồi, nổ tung như một quả bóng vàng rồi.

Titi vòng cánh tay chắc khỏe, mập mạp quanh người anh. “Tomaso, vui lên đi! Hãy đợi tới khi anh có lý do để cảm thấy nản lòng đến vậy!”

“Tôi không hiểu sao cô lại không thấy đây là dấu hiệu xấu cơ chứ!” Tom nói một cách tuyệt vọng. “Tôi thật sự không hiểu!”

# CHƯƠNG 30

D

ấu hiệu tồi tệ nhất trong tất cả đến từ ông Roverini, người vẫn gửi cho anh những tin nhắn vừa thân thiện vừa rõ ràng cho đến giờ, lại hoàn toàn không báo cho anh tin tức nào liên quan đến vali và những bức tranh được tìm thấy ở Venice hết. Tom thức trắng đêm và ngày hôm sau thì quanh quẩn trong nhà, cố gắng hoàn tất những công việc vụn vặt không hồi kết trước khi khởi hành, trả lương cho Anna và Ugo, trả tiền cho các thương nhân khác nhau. Tom cứ đợi cảnh sát tới gõ cửa nhà anh bất kỳ lúc nào, dù ngày hay đêm. Sự đối lập giữa vẻ tự tin, bình tĩnh cách đây năm ngày và sự e sợ hiện tại gần như làm anh quỵ ngã. Anh không thể ngủ cũng chẳng thể ăn hay ngồi yên một chỗ được. Sự mỉa mai trong cái cách Anna và Ugo thương xót anh, cũng như các cú điện thoại từ bạn bè hỏi thăm xem anh có suy nghĩ gì khi các vali được tìm thấy, dường như vượt quá sức chịu đựng của anh. Cũng mỉa mai thay, khi anh có thể cho họ biết là mình lo lắng, bi quan, thậm chí là tuyệt vọng, mà họ cũng chẳng nghĩ gì nhiều. Họ nghĩ điều đó hoàn toàn bình thường, vì có thể Dickie đã bị ám sát lắm chứ: ai cũng thấy việc tất cả đồ đạc của Dickie đều nằm trong hai chiếc vali ở Venice, kể cả lược và bộ đồ cạo râu của anh ta, là chuyện rất có ý nghĩa.

Còn cả chuyện di chúc nữa. Ngày kia ông Greenleaf sẽ nhận được nó. Đến lúc ấy họ có thể biết rằng dấu vân tay không phải là của Dickie. Đến lúc ấy họ có thể sẽ chặn tàu Hellenes lại và lấy dấu vân tay của anh. Nếu họ phát hiện ra cả di chúc cũng bị giả mạo thì họ sẽ không khoan nhượng với anh nữa. Cả hai vụ ám sát đều sẽ bị lật tẩy, rõ như ban ngày rồi.

Đến khi lên tàu Hellenes, Tom vẫn có cảm giác mình như một hồn ma vật vờ. Anh không thể ngủ, không thể ăn, đầy espresso trong người, chỉ hoạt động được nhờ các dây thần kinh đang căng ra. Anh muốn hỏi xem có đài radio nào không, nhưng anh tin chắc là có. Dù sao đây cũng là một con tàu lớn có ba boong với bốn mươi tám hành khách. Anh quỵ ngã khoảng năm phút sau khi nhân viên phục vụ mang hành lý của anh vào khoang. Anh nhớ đã nằm úp mặt xuống giường, một cánh tay vặn lại dưới bụng, quá mệt để đổi tư thế. Khi anh tỉnh giấc, con tàu đang di chuyển, nó lắc lư nhè nhẹ với một nhịp điệu dễ chịu cho thấy không những nó vẫn còn tràn trề sức mạnh dự trữ, mà còn hứa hẹn sẽ tiến lên không dừng lại, đi một lèo, quét sạch mọi thứ cản đường. Anh cảm thấy đỡ hơn, chỉ có điều cánh tay mà anh đã nằm đè lên giờ đang lủng lẳng ở bên sườn anh như đã chết và cứ đập vào người anh khi anh đi dọc hành lang, khiến anh phải giữ lấy nó bằng tay còn lại để cố định. Theo đồng hồ của anh thì giờ là mười giờ mười lăm, bên ngoài tối như mực.

Có một vùng đất ở tít xa phía bên trái anh, chắc là thuộc Yugoslavia, năm đến sáu ánh đèn trắng lờ mờ, ngoài ra thì chẳng còn gì trừ biển đen ngòm và bầu trời cũng đen ngòm, đến mức không có dấu vết nào của đường chân trời và họ có thể đang dong buồm trên một màn hình đen kịt, chỉ có điều anh không hề thấy khó chịu với con tàu đang rẽ sóng phăm phăm và gió thổi trên đầu anh tựa như ngoài không gian vô tận. Xung quanh anh trên boong tàu không có ai hết. Tất cả đều đang ngồi ở dưới, ăn bữa tối muộn, anh đoán vậy. Anh mừng khi được ở một mình. Tay anh đã dần hoạt động trở lại. Anh nắm lấy lan can ở mũi thuyền hình chữ V và hít một hơi thật dài. Cảm giác can đảm đầy thách thức dâng lên trong anh. Nếu ngay lúc này người trực tổng đài nhận được tin phải bắt giữ Tom Ripley thì sao? Anh sẽ kháng cự mạnh mẽ hệt như đang đứng đây lúc này. Hoặc anh có thể lao qua mạn tàu - một hành động thể hiện sự gan dạ bậc nhất và là lối thoát của anh. Nếu vậy thì sao? Kể cả đang đứng ở đây anh cũng nghe được tiếng bíp bíp bíp mơ hồ từ phòng radio ở trên nóc tàu. Anh không sợ. Chính là cảm giác này. Đây chính là cảm giác anh đã hy vọng sẽ cảm thấy khi đi tàu tới Hy Lạp. Nhìn ra mặt nước tối đen mà không sợ hãi cũng tuyệt vời gần bằng việc được nhìn thấy các hòn đảo của Hy Lạp trong tầm mắt. Trong bóng tối dịu dàng của tháng Sáu trước mặt, anh có thể dùng trí tưởng tượng để xây những hòn đảo nhỏ, các tòa nhà nằm rải rác trên các ngọn đồi của Athens và tòa thành Acropolis.

Có một người phụ nữ Anh lớn tuổi trên tàu, đi du lịch cùng cô con gái cũng đã bốn mươi tuổi, chưa kết hôn, lúc nào cũng hốt hoảng, thậm chí còn chẳng ngồi sưởi nắng trọn mười lăm phút mà không bật dậy khỏi ghế và lớn tiếng tuyên bố mình sẽ “đi một vòng.” Mẹ chị ta thì ngược lại, hết sức bình tĩnh và chậm chạp, chân phải bà bị liệt nhẹ sao đó, khiến nó ngắn hơn chân trái và bà phải độn gót giày rõ cao ở bên phải, không thể đi lại mà thiếu gậy chống. Đây là loại người hẳn sẽ khiến Tom phát điên ở New York với sự chậm chạp và phong thái thanh lịch không thay đổi, nhưng giờ anh lại có hứng dành vài tiếng đồng hồ với bà trên ghế ngồi ngoài boong tàu, cùng nói chuyện, nghe bà kể về cuộc sống của bà ở Anh và về Hy Lạp, về lần cuối bà đến Hy Lạp vào năm 1926. Anh dẫn bà đi dạo chậm rãi quanh boong, bà dựa vào tay anh và liên tục xin lỗi vì những rắc rối đang gây ra cho anh, nhưng rõ ràng là bà thích sự chú ý anh dành cho bà. Còn cô con gái thì rõ ràng cũng sung sướng khi có người chăm sóc mẹ hộ.

Có thể hồi trẻ bà Cartwright cũng từng rất hung hăng, Tom nghĩ, có thể chính bà phải chịu trách nhiệm cho mọi biểu hiện loạn thần kinh của cô con gái, có thể bà đã giữ chặt con gái đến mức chị ta không thể sống một cuộc đời bình thường và kết hôn, có thể bà đáng phải bị đẩy ra khỏi thành tàu thay vì được dẫn đi dạo quanh boong, được có người lắng nghe hàng giờ đồng hồ khi bà nói chuyện, nhưng thế thì có gì quan trọng? Có phải thế giới chỉ luôn trao thưởng xứng đáng? Thế giới đã trao thưởng cho anh chưa? Anh tự thấy mình may mắn quá mức cho phép khi thoát khỏi hai vụ án giết người, may mắn khi có thể mạo danh Dickie cho tới tận bây giờ. Trong giai đoạn đầu tiên của cuộc đời mình, số mệnh đã hết sức không công bằng với anh, Tom nghĩ, nhưng khoảng thời gian với Dickie và sau đó đã đủ bù đắp cho nó. Nhưng anh cảm thấy sẽ có chuyện gì đó xảy ra ở Hy Lạp này và nó không thể là điều gì tốt đẹp được. May mắn của anh đã kéo dài quá lâu rồi. Nhưng giả sử họ tóm được anh nhờ dấu vân tay và di chúc giả và cho anh ngồi ghế điện - thì liệu cái chết trên ghế điện có so được với sự đau đớn, hay chính bản thân cái chết, ở tuổi hai lăm, đầy bi kịch đến mức anh không thể nói rằng khoảng thời gian từ tháng Mười một cho tới giờ không đáng giá? Chắc chắn là không rồi.

Điều duy nhất mà anh hối hận là anh chưa được nhìn thấy cả thế giới. Anh muốn đến Úc và Ấn Độ. Anh muốn ngắm Nhật Bản. Rồi còn cả Nam Mỹ nữa. Chỉ cần được thưởng thức các tác phẩm nghệ thuật của những đất nước ấy thôi đã là một công việc trọn đời dễ chịu, thỏa mãn rồi, anh thầm nghĩ. Anh đã học được rất nhiều về hội họa, thậm chí còn cố gắng sao chép các bức tranh xoàng xĩnh của Dickie. Trong các phòng triển lãm nghệ thuật ở Paris và Rome, anh đã khám phá ra niềm hứng thú với hội họa mà trước đây anh chưa từng nhận ra, hoặc có lẽ trước đây chưa có trong người. Anh không muốn trở thành một họa sĩ, nhưng nếu có tiền thì thú vui lớn nhất của anh sẽ là thu thập những bức tranh mà anh thích và giúp đỡ các họa sĩ trẻ có tài nhưng thiếu may mắn.

Tâm trí anh cứ chệch đi lung tung khi đi dạo với bà Cartwright quanh boong hoặc nghe tràng độc thoại không phải lúc nào cũng thú vị của bà. Bà Cartwright nghĩ anh thật lôi cuốn. Vài ngày trước khi họ tới Hy Lạp, bà cứ nói mãi rằng anh đã giúp tạo biết bao niềm vui cho bà trong chuyến hải trình này và họ lên kế hoạch gặp nhau ở một khách sạn ở Crete vào ngày mùng 2 tháng 7, vì đó là nơi duy nhất mà lịch trình của họ trùng nhau. Bà Cartwright di chuyển bằng xe buýt trong một gói tour đặc biệt. Tom chấp thuận mọi gợi ý của bà, dù anh chưa từng nghĩ sẽ gặp lại bà một khi họ rời thuyền. Anh cứ tưởng tượng mình sẽ bị tóm ngay lập tức và dẫn lên boong một con tàu khác, hoặc có lẽ là đi máy bay, quay về Ý. Không có tin tức radio nào về anh - theo anh biết - nhưng dù có thì họ cũng đâu cần thông báo cho anh phải không? Báo trên tàu, một tờ giấy một trang nhỏ xíu được sao lại xuất hiện mỗi tối trên các bàn ăn, hoàn toàn tập trung vào các tin tức chính trị thế giới, không hề đề cập đến vụ án Greenleaf cho dù có tình tiết quan trọng xảy ra đi nữa. Trong hành trình mười ngày ấy, Tom sống trong một bầu không khí kỳ dị: vừa đọa đày, vừa dũng cảm kiên cường, không màng đến bản thân. Anh tưởng tượng ra những chuyện kỳ lạ: con gái của bà Cartwright ngã qua thành tàu, anh nhảy theo và cứu được chị ta. Hoặc anh cố gắng vượt qua dòng nước trào vào qua vách ngăn bị vỡ để dùng cơ thể chặn lỗ thủng. Anh cảm thấy mình sở hữu một sức mạnh siêu nhiên và tinh thần can đảm không sợ hãi.

Khi con tàu tiến lại gần đất Hy Lạp, Tom đang đứng cạnh lan can với bà Cartwright. Bà đang kể cho anh diện mạo của cảng biển thành phố Piraeus đã thay đổi ra sao từ lần cuối bà nhìn nó và Tom hoàn toàn không hứng thú gì với điều ấy. Nó tồn tại, đó mới là tất cả những gì quan trọng đối với anh. Trước mặt anh không phải là một ảo ảnh mà là một ngọn đồi có thật mà anh có thể đi dạo trên đó, với những tòa nhà mà anh có thể sờ tay vào - nếu anh đi được đến đó.

Cảnh sát đang đợi trên bến cảng. Anh thấy bốn người, đứng khoanh hai tay, nhìn tàu. Tom giúp bà Cartwright đến tận cùng, dịu dàng đỡ bà qua chỗ vòng ở cuối ván cầu và mỉm cười chào tạm biệt bà và con gái. Anh phải đợi tới vần R còn họ chỉ cần đợi tới vần C để lấy hành lý và hai người nhà Cartwright sẽ ngay lập tức đi tới Athens trên chuyến xe buýt đặc biệt.

Nụ hôn của bà Cartwright vẫn ấm áp và hơi ướt vương trên má anh, Tom xoay người và chậm rãi đi về phía cảnh sát. Anh nghĩ mình sẽ không làm náo động, chỉ cần báo cho họ biết anh là ai. Có một quầy báo lớn ở ngay sau lưng nhóm cảnh sát và anh nghĩ đến việc mua một tờ. Có lẽ họ sẽ cho phép anh. Cảnh sát nhìn chằm chằm vào anh, những cánh tay vẫn khoanh chặt khi anh tiến lại gần. Họ mặc đồng phục đen với mũ sụp. Tom cười yếu ớt với họ. Một người trong bọn họ chạm tay vào mũ và bước tránh sang một bên. Nhưng những người khác không sáp lại gần. Giờ thì Tom gần như đã ở giữa hai người trong số họ, ngay trước quầy báo và nhóm cảnh sát vẫn tiếp tục nhìn thẳng về phía trước, hoàn toàn không chú ý tới anh.

Tom đọc lướt qua các hàng báo trước mặt, cảm thấy đờ đẫn và muốn ngất. Tay anh vô thức cử động để lấy một tờ báo Rome quen thuộc. Nó mới xuất bản ba ngày trước. Anh lôi vài tờ lia ra khỏi túi, đột nhiên nhận ra mình không có tiền Hy Lạp, nhưng người bán báo vẫn vui vẻ nhận lia như thể anh đang ở Ý, thậm chí còn trả tiền thối cho anh bằng lia.

“Tôi sẽ lấy cả mấy tờ này nữa,” Tom nói bằng tiếng Ý, chọn thêm ba tờ báo Ý và tờ Herald-Tribune của Paris. Anh liếc nhìn các sĩ quan. Họ không hề nhìn anh.

Rồi anh quay lại dưới nhà kho trên bến cảng, nơi các hành khách của tàu đang đợi hành lý. Anh nghe thấy tiếng chào vui vẻ của bà Cartwright khi anh đi ngang qua nhưng vờ như không chú ý. Anh dừng lại ở khu chữ R và giở tờ báo Ý cũ nhất ra, nó được xuất bản bốn ngày trước.

KHÔNG TÌM THẤY AI MANG TÊN ROBERT S. FANSHAW

NGƯỜI KÝ GỬI ĐỒ ĐẠC CỦA GREENLEAF

Đó là một tiêu đề kỳ cục trên trang thứ hai. Tom đọc cả đoạn báo dài bên dưới nhưng chỉ có đoạn văn thứ năm hấp dẫn anh:

Cách đây vài ngày cảnh sát xác nhận rằng các dấu vân tay trên vali và trên các bức tranh cũng giống như các dấu vân tay được tìm thấy trong căn hộ bị bỏ trống của Greenleaf ở Rome. Do đó, họ cho rằng chính Greenleaf đã tự ký gửi vali và các bức tranh…

Tom lóng ngóng giở một tờ báo khác ra. Lại nữa:

… Xem xét việc các dấu vân tay trên các món đồ trong vali giống hệt với dấu vân tay trong căn hộ của anh Greenleaf ở Rome, cảnh sát đã kết luận rằng anh Greenleaf đã tự thu xếp và chuyển các vali tới Venice. Người ta ngờ rằng anh ta đã tự tử, có thể là dìm mình trong nước trong trạng thái hoàn toàn trần truồng. Một nghi ngờ khác là anh ta vẫn còn sống dưới tên Robert S. Fanshaw hoặc một cái tên giả khác, vẫn còn khả năng anh ta đã bị giết, sau khi đóng gói hoặc bị ép đóng gói đồ đạc của chính mình - có thể nhằm mục đích đặc biệt là quấy nhiễu cuộc điều tra của cảnh sát qua các dấu vân tay…

Dù sao đi nữa thì việc tìm kiếm “Richard Greenleaf” cũng không còn ích lợi gì nữa, vì cho dù có còn sống đi nữa thì anh ta cũng không cầm theo hộ chiếu “Richard Greenleaf”…

Tom cảm thấy run rẩy và nhẹ nhõm. Các tia nắng mặt trời chiếu xuống dưới mép mái nhà làm đau mắt anh. Anh vô thức đi theo người khuân vác vali của mình về phía quầy khách hàng. Khi nhìn chằm chằm xuống cái vali đang mở để thanh tra vội vàng kiểm tra, anh cố gắng lĩnh hội ý nghĩa của tin tức ấy. Nó có nghĩa là anh hoàn toàn không bị tình nghi. Nó có nghĩa là thật ra các dấu vân tay đã bảo đảm sự vô tội của anh. Nó có nghĩa là không những anh không phải vào tù, không phải chết, mà còn hoàn toàn không bị hoài nghi. Anh tự do. Trừ vụ di chúc.

Tom lên xe buýt đi Athens. Một trong những người vừa ngồi cùng bàn ăn với anh giờ lại đang ngồi cạnh anh, nhưng anh không chào hỏi gì và cũng không thể trả lời nổi nếu ông ta bắt chuyện với anh. Tom chắc chắn ở American Express ở Athens sẽ có một bức thư về vấn đề di chúc. Ông Greenleaf đã có vô số thời gian để trả lời. Có thể ông đã lệnh cho các luật sư của mình vào cuộc ngay lập tức và giờ anh sẽ nhận được một bức thư từ chối lịch sự từ một luật sư ở Athens, rồi bức thư tiếp theo sẽ tới từ cảnh sát Mỹ, thông báo anh bị triệu tập về vụ giả mạo. Có thể cả hai bức thư đều đang đợi anh ở American Express cũng nên. Di chúc có thể đảo ngược tình huống của anh. Tom nhìn ra ngoài cửa sổ, thấy phong cảnh nguyên sơ, khô cằn. Không có gì in vào trong đầu anh. Có thể cảnh sát Hy Lạp đang đợi anh ở American Express. Có thể bốn người đàn ông mà anh vừa nhìn thấy không phải là cảnh sát mà là binh lính.

Xe buýt dừng lại. Tom ra ngoài, lấy hành lý và tìm taxi.

“Vui lòng chở tôi tới American Express được không?” Anh hỏi người lái xe bằng tiếng Ý nhưng rõ ràng là ông ta cũng hiểu được cụm từ “American Express” và khởi hành. Tom vẫn nhớ khi anh nói từ đó với một người lái xe taxi ở Rome hôm tới Palermo. Hôm đấy anh mới tự tin về bản thân làm sao, ngay sau khi lẩn trốn Marge ở Inghilterra!

Anh ngồi thẳng dậy khi thấy biển hiệu American Express và nhìn quanh tòa nhà đó xem có cảnh sát không. Có thể họ ở bên trong. Anh yêu cầu người lái xe đợi mình bằng tiếng Ý và anh ta chạm tay vào mũ, có vẻ cũng hiểu. Thứ gì nhìn bề ngoài cũng có vẻ dễ dàng, như thời khắc bình an ngay trước cơn bão. Tom nhìn vào trong sảnh của American Express. Không có gì bất thường. Có thể ngay giây phút anh nói ra tên mình -

“Cô có bức thư nào cho Thomas Ripley không?” Anh dùng giọng trầm hỏi bằng tiếng Anh.

“Reepley à? Vui lòng đánh vần.”

Anh đánh vần.

Cô ta quay người, lấy vài bức thư từ một cái hốc nhỏ.

Không có gì xảy ra.

“Ba bức thư,” cô ta nói bằng tiếng Anh, mỉm cười.

Một bức thư từ ông Greenleaf. Một bức từ Titi ở Venice. Một bức từ Cleo, được chuyển phát lại. Anh mở bức thư của ông Greenleaf.

Ngày 9 tháng 6, năm 19-

Tom thân mến,

Chúng tôi vừa nhận được bức thư cậu gửi ngày mùng 3 tháng 6.

Cả vợ tôi và tôi đều không thấy có gì quá ngạc nhiên như cậu tưởng tượng. Chúng tôi đều nhận thức được rằng Richard rất quý mến cậu, bất chấp việc nó chưa bao giờ công khai biểu lộ điều đó với chúng tôi trong một bức thư nào cả. Như cậu đã chỉ ra, buồn thay, điều này cũng ám chỉ rằng Richard đã tự kết liễu tính mạng của mình. Đó là một kết luận mà chúng tôi ở đây cuối cùng đã đành chấp nhận - cơ hội duy nhất là Richard đã lấy một cái tên khác và vì những lý do cá nhân, nó đã chọn quay lưng lại với gia đình mình.

Vợ tôi cũng đồng tình với tôi về việc chúng tôi nên tuân theo di nguyện của Richard, bất kể nó đã làm gì với bản thân nó đi nữa. Nên về những vấn đề trong di chúc, cậu có được sự ủng hộ của cá nhân tôi. Tôi đã chuyển bản sao di chúc của cậu cho các luật sư của tôi, họ sẽ thông báo cho cậu về tiến độ chuyển giao quỹ ủy thác và các tài sản khác của Richard cho cậu.

Một lần nữa, cảm ơn sự trợ giúp của cậu khi tôi ở nước ngoài. Giữ liên lạc với chúng tôi nhé.

Chúc những điều tốt lành nhất,

Herbert Greenleaf

Đây có phải là một trò đùa không? Nhưng tờ giấy viết thư của công ty Burke-Greenleaf trong tay anh có vẻ thật dày, hơi sần và phần in đầu giấy còn được dập nổi - bên cạnh đó, ông Greenleaf cũng sẽ không bao giờ đùa cợt như thế này, cả triệu năm nữa cũng không. Tom đi về phía chiếc taxi đang đợi. Đây không phải là chuyện đùa. Tất cả là của anh! Tiền và sự tự do của Dickie. Và tự do, cũng giống như mọi thứ khác, có vẻ là sự kết hợp, kết hợp của anh và Dickie. Anh có thể có một căn nhà ở cả châu Âu lẫn Mỹ, nếu muốn. Khoản tiền bán nhà ở Mongibello vẫn đang chờ lấy, anh đột nhiên nhớ ra và thấy mình cũng nên gửi nó cho nhà Greenleaf, vì Dickie đã rao bán nhà trước khi viết di chúc. Anh mỉm cười, nghĩ tới bà Cartwright. Anh phải mang cho bà một hộp phong lan thật lớn khi gặp bà ở Crete mới được, nếu ở Crete có hoa phong lan.

Anh thử tưởng tượng cảnh đặt chân tới Crete - hòn đảo dài, với các miệng núi lửa khô khốc, lởm chởm chòi lên, cảnh rộn ràng náo nhiệt nho nhỏ trên cầu cảng khi thuyền của anh cập bến, các cậu bé khuân vác háo hức chờ hành lý của anh và tiền tip, anh sẽ có vô khối tiền để tip cho chúng, cho tất cả mọi thứ và tất cả mọi người. Anh thấy bốn bóng người bất động đứng trên cầu cảng tưởng tượng ấy, bóng dáng của cảnh sát Crete đang chờ anh, kiên nhẫn khoanh tay lại chờ đợi. Anh đột ngột cứng người lại, ảo ảnh biến mất. Chẳng lẽ anh sẽ thấy cảnh sát đứng đợi mình ở mọi bến cảng mà anh cập bến sao? Cả ở Alexandria? Istanbul? Bombay? Rio? Nghĩ về nó chẳng có lợi ích gì cả. Anh ưỡn ngực lên. Không nên phá hỏng chuyến du lịch của mình bằng việc lo lắng về các cảnh sát tưởng tượng. Cho dù có cảnh sát đứng trên bờ thật thì cũng không nhất thiết là -

“Đi đâu tiếp, đi đâu tiếp?” Người lái xe taxi đang nói, cố dùng tiếng Ý với anh.

“Cho tôi tới một khách sạn,” Tom nói. “Khách sạn tốt nhất! Tốt nhất! Tốt nhất!”